

Bản án số: 61/2016/HNST
Ngày: 26 – 9 - 2016
V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Trí Dũng**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Trần Hiếu**
Bà **Nguyễn Thị Phú Quý**
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hương**.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2016 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 86/2016/HNST ngày 06/9/2016 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 357/2016/QĐ-ST ngày 08/9/2016, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lương Thị Bích T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, TP. Cần Thơ. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Lee Ching C**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: đường D, khóm Đ, phường G, thành phố H, huyện V, lãnh thổ Đài Loan. (vắng mặt)

NHẬN THẤY

Nguyên đơn bà Lương Thị Bích T trình bày và yêu cầu: Vào tháng 01 năm 2014 qua sự giới thiệu của người quen và tìm hiểu bà T và ông Lee Ching C đã quyết định kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ, được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/01/2014.

Thời gian đầu, bà T và ông Lee Ching C cố gắng tìm hiểu để có hạnh phúc, ông cũng thường sang Việt Nam thăm bà, làm thủ tục bảo lãnh bà sang Đài Loan. Sau khi hoàn tất thủ tục, ông bà phỏng vấn xin visa tại Văn phòng kinh tế văn hóa Đài Bắc tại thành phố Hồ Chí Minh lần 1 nhưng không đạt yêu cầu, đến khoảng 01 tháng sau vợ chồng ông bà phỏng vấn lần 02 cũng không

đạt. Từ lần đó về sau tình cảm vợ chồng bắt đầu lạnh nhạt, ông Lee Ching C trở về Đài Loan sinh sống, bà T ở lại Việt Nam. Bà và ông C không còn liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng cũng chấm dứt.

Bản thân bà T nhận thấy không có tình yêu thương với ông Lee Ching C mặc dù đã cố gắng rất nhiều nhưng do bất đồng ngôn ngữ, phong tục tập quán nên khó hòa hợp. Bà và ông Lee Ching C quyết định chấm dứt quan hệ hôn nhân, ông Lee Ching C báo sẽ không quay lại Việt Nam, không bảo lãnh bà sang Đài Loan và làm văn bản đồng ý ly hôn và ủy quyền để lại cho bà T để yêu cầu Tòa án Việt Nam giải quyết. Do cuộc hôn nhân không mang lại hạnh phúc, nếu kéo sẽ không có lợi cho cả hai nên bà T yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lee Ching C; về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, phía ông Lee Ching C vắng mặt nhưng trong giấy đồng ý ly hôn và giấy ủy quyền đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 28/7/2016 ông Lee Ching C thể hiện ý kiến đồng ý để bà Lương Thị Bích T đơn phương xin ly hôn tại các cơ quan hữu quan của Việt Nam, đồng thời ủy quyền cho bà Lương Thị Bích T toàn quyền làm các thủ tục có liên quan.

P phía bà Lương Thị Bích T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với ông Lee Ching C.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thăm tra lại chứng cứ này tại phiên tòa, nghe lời yêu cầu của nguyên đơn; Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Lương Thị Bích T khởi kiện xin ly hôn với ông Lee Ching C là người Đài Loan; quan hệ hôn nhân giữa hai người có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, vào sổ đăng ký kết hôn số 46, quyển số 01 ngày 12 tháng 02 năm 2014 nên hôn nhân của ông bà được công nhận và hợp pháp, nay bà T có yêu cầu xin ly hôn nên việc Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào giấy đồng ý ly hôn và giấy ủy quyền của ông Lee Ching C đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 28/7/2016 nên việc Tòa án giải quyết vắng mặt ông là đúng theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Lương Thị Bích T và ông Lee Ching C được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp, sau khi đăng

lý kết hôn thì ông Lee Ching C trở về Đài Loan và có làm thủ tục bảo lãnh bà T sang Đài Loan nhưng do nhiều lần phỏng vấn không đạt yêu cầu để được cấp visa, sau đó ông Lee Ching C không tiếp tục tiến hành làm thủ tục bảo lãnh nữa và trở về Đài Loan cho đến nay còn bà T ở Việt Nam mà không có bất kỳ sự quan tâm nào lẫn nhau. Do bất đồng ngôn ngữ, phong tục tập quán nên khó hòa hợp và vào ngày 23 tháng 6 năm 2016 ông Lee Ching C đã đồng ý ly hôn và ủy quyền cho bà T làm các thủ tục.

Xét thấy: mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được, giữa bà Lương Thị Bích T và ông Lee Ching C không còn tình cảm vợ chồng, có kéo dài cũng không hạnh phúc. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của bà Lương Thị Bích T là có căn cứ và đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ông Lee Ching C có giấy đồng ý ly hôn với bà Bích T. Trong giấy đồng ý ly hôn ông không đặt vấn đề về con chung, nợ chung và tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 121 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lương Thị Bích T.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Lương Thị Bích T được ly hôn với ông Lee Ching C.

- Về quan hệ con chung, nợ chung, tài sản chung: Không có, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lương Thị Bích T phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*), chuyển 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 000023 ngày 06/9/2016 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Lee Ching C có quyền kháng cáo trong hạn 01 (*một*) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- Cục THA-TPCT;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Trí Dũng